

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

QUY LUẬT VỀ TRỌNG ÂM CỦA TỪ ĐƠN VÀ TỪ PHỨC ĐA ÂM TIẾT TRONG TIẾNG ANH HỒ THỊ KIỀU OANH*

TÓM TẮT: Bài viết này mô tả và phân tích một số quy luật về trọng âm của từ đơn và từ phức đa âm tiết (có từ 2 đến 5 âm tiết) trong tiếng Anh. Thực tế cho thấy khi số âm tiết trong từ càng tăng thì người Việt học tiếng Anh như một ngoại ngữ thường mắc lỗi về trọng âm vì họ không biết đặt trọng âm ở âm tiết nào trong từ. Điều này có thể do sự khác biệt về đặc trưng ngữ âm giữa tiếng Anh và tiếng Việt. Tiếng Anh là ngôn ngữ thường đa âm tiết trong khi đó tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm tiết và chỉ có thanh điệu mà không có trọng âm. Do vậy, những quy luật về trọng âm của từ trong tiếng Anh và những nhận định rút ra từ bài viết có thể góp phần giúp người học tiếng Anh nói chung và người Việt học tiếng Anh nói riêng có thể phát âm đúng trọng âm của từ và nhờ đó có thể học từ vựng tiếng Anh dễ nhớ hơn đồng thời có thể sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp hiệu quả hơn.

TỪ KHÓA: Quy luật trọng âm; trọng âm; từ đơn đa âm tiết; từ phức đa âm tiết; tiếng Anh.

NHẬN BÀI: 2/3/2022.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 6/4/2022

1. Đặt vấn đề

Hiện nay khi nhu cầu giao tiếp liên nhân giữa các nước khác nhau trong thời đại hội nhập ngày càng tăng với tiếng Anh là ngôn ngữ quốc tế thì nhu cầu học, nhớ và phát âm từ tiếng Anh chính xác để giao tiếp là một nhu cầu tất yếu. Tuy nhiên, một trong những khó khăn lớn nhất của người Việt học tiếng Anh là không thể nắm được quy luật phân bố trọng âm của từ trong tiếng Anh để phát âm đúng trọng âm của từ. Do vậy, họ khó có thể phát âm chính xác được từ và khó nhớ được từ khi học tiếng Anh. Hơn nữa, việc phụ thuộc quá nhiều vào sách tự điển, kim tự điển và gần đây nhất là các loại điện thoại thông minh với phần mềm hỗ trợ phát âm từ trong tiếng Anh đã gây không ít bất tiện cho người Việt học tiếng Anh như: mất thời gian tra từ để xác định vị trí trọng âm, nghĩa và phải luôn phụ thuộc vào từ điển.

Bài viết này mô tả một số quy tắc trọng âm của từ trong tiếng Anh bao gồm từ đơn và từ phức có từ 2 đến 5 âm tiết, thuộc các từ loại khác nhau như danh từ, tính từ, động từ, phó từ nhằm giúp người Việt học tiếng Anh thể hiện đúng trọng âm từ để có thể góp phần giúp họ phát âm từ tiếng Anh, nắm được và sử dụng từ tiếng Anh hiệu quả và tự tin hơn.

2. Âm tiết

2.1. Khái niệm

Theo Crystal (2008), âm tiết (syllables) là một đơn vị lời nói mang tính nhịp điệu (rhythmic) làm cho dòng ngữ lưu nghe nhịp nhàng. Âm tiết bao gồm một hoặc nhiều âm thanh lời nói (speech sounds or segments). Những âm thanh lời nói này là những đơn vị âm vị khu biệt để tạo nên âm tiết và âm tiết có chức năng tạo nên từ.

2.2. Cấu trúc của âm tiết

Mỗi âm tiết có thể gồm 3 thành phần: phần khởi âm (onset), đỉnh (peak/ nucleus) và kết âm (coda). Đỉnh của âm tiết thường là nguyên âm (vowels), là yếu tố tất yếu phải có để tạo nên âm tiết và là âm vang (sonorant/resonant) với âm vực cao đầu rằng những phụ âm âm tiết hóa (syllabic consonants) như: [r], [l], [m], [n], và phụ âm mũi bị vòm mềm hóa (velar nasals) như [N] cũng được

* PGS.TS; Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng; Email: htkoanh@ufl.udn.vn

xem như đỉnh của một âm tiết. Trong những từ sau đây, thành phần khởi âm được in đậm và những thành phần khác được gạch dưới. Ví dụ: read /rɪ:d/, flop /flɒp/, strap /str&p/.

Nếu một từ có hai hay nhiều âm tiết, mỗi âm tiết thường cũng có những thành phần cơ bản nêu trên, ví dụ: window /"wɪnd@U/, tomato /t@"mA:t@U/, preposterous /prɪ"pɒst@r@s/.

Tuy nhiên, không phải âm tiết nào cũng đều có đủ những thành phần như phần khởi âm, đỉnh và kết âm. Âm tiết nhỏ nhất có thể chỉ có đỉnh mà thôi. Trong trường hợp đó; thành phần khởi âm và kết âm có thể không hiện diện, chẳng hạn cấu trúc âm tiết của mạo từ *a* chỉ có đỉnh là nguyên âm /@/. Ngược lại, một số âm tiết có thể bắt đầu bằng một cho đến ba phụ âm (spring /sprɪN/) và kết thúc bằng một cho đến tối đa là bốn phụ âm forests /"fɒrɪsts/.

3. Các cấp độ trọng âm trong từ tiếng Anh

Theo Roach (1988), có hai cấp độ trọng âm phổ biến của từ trong tiếng Anh:

- *Trọng âm chính (Primary stress)*: Trọng âm chính của một từ là trọng âm mạnh nhất rơi vào một âm tiết nào đó trong từ đa âm tiết. Ví dụ trong từ đa âm tiết *around* /@"raʊnd/, trọng âm chính thuộc về âm tiết thứ hai /"raʊnd/ với dấu " bên trên và ngay trước nó.

- *Trọng âm phụ (Secondary stress)*: Trọng âm phụ của một từ là trọng âm không mạnh như trọng âm chính nhưng mạnh hơn trọng âm của những âm tiết khác trong từ đa âm tiết. Trong từ *anthropology* /! &nTr@"pɒl@ʊi/, trọng âm chính thuộc về âm tiết thứ ba /"pɒ / với dấu " bên trên và ngay trước nó trong khi đó trọng âm phụ rơi vào âm tiết thứ nhất /! &n/ với dấu ! bên dưới và ngay trước nó.

Những âm tiết không nhận những loại trọng âm trên trong từ thuộc về những âm tiết không được nhấn trọng âm (unstressed syllables). Chẳng hạn, những âm tiết thứ hai /Tr@/, thứ tư /l@/ và thứ năm /ʊi/ trong từ *anthropology*.

4. Quy luật trọng âm trong từ tiếng Anh

Trọng âm của từ trong tiếng Anh thì đa dạng hơn và khó đoán định đặc biệt là đối với những từ đơn và từ phức đa âm tiết bởi lẽ vị trí trọng âm của từ lúc đó thay đổi theo số âm tiết và số phụ tố trong từ. Điều này có thể gây không ít khó khăn cho người học ngoại ngữ tiếng Anh nói chung và sinh viên người Việt học tiếng Anh nói riêng. Vì thế, người dạy cần trang bị cho người học kiến thức về các kiểu trọng âm nền tảng trong tiếng Anh để người học dễ nhớ và có thể phát âm trọng âm của từ tiếng Anh chuẩn xác hơn. Theo Roach (1988) và O' Connor (1999), việc đặt trọng âm trong từ tiếng Anh phụ thuộc vào những nhân tố như: 1/Cấu trúc hình thái của từ là từ đơn (không có phụ tố), từ phức có chứa một hay nhiều phụ tố như tiền tố (đứng trước từ gốc), hậu tố (đứng sau từ gốc) và từ ghép; 2/Từ loại của từ: danh từ, động từ, tính từ, phó từ...; 3/Số âm tiết có trong từ; 4/Cấu trúc âm vị của những âm tiết trong từ.

4.1. Quy luật trọng âm trong từ đơn

4.1.1. Quy luật trọng âm trong từ đơn có hai âm tiết

a. Trọng âm trong động từ đơn có hai âm tiết

Nếu âm tiết thứ hai của động từ có chứa một nguyên âm dài hoặc một nguyên âm đôi, hoặc kết thúc bằng nhiều phụ âm thì âm tiết thứ hai đó được nhấn trọng âm: *assort* /@"sɔ:t/, *apply* /@"plai/, *attract* /@"tr&kt/. Tuy nhiên, nếu âm tiết thứ hai có chứa nguyên âm đôi /@U/, thì âm tiết đó không được nhấn trọng âm: *borrow* /"bɒr@U/, *follow* /"fɒl@U/. Nếu âm tiết thứ hai có chứa một nguyên âm ngắn và kết thúc bằng một phụ âm (hoặc không), thì âm tiết đầu tiên được nhấn trọng âm: *open* /"@Up@n/, *equal* /"i:kw@l/, *envy* /"envi/.

* Ngoại lệ: Hãy xét ví dụ sau trong đó động từ *permit* có hai âm tiết, âm tiết thứ hai có chứa một nguyên âm ngắn /ɪ/ và kết thúc bằng một phụ âm /t/ nhưng lại được nhấn trọng âm ở âm tiết thứ hai: *permit* /p@ˈmɪt/.

b. *Trọng âm trong tính từ đơn có hai âm tiết*

Quy luật đặt trọng âm trong tính từ đơn có hai âm tiết cũng tương tự như đối với động từ đơn có hai âm tiết, ví dụ: *divine* /dɪˈvaɪn/, *correct* /k@ˈrekt/, *unique* /jUˈni:k/, *even* /ˈi:v!n/.

* Ngoại lệ: Có thể xảy ra những trường hợp ngoại lệ như: *honest* /ˈɒnɪst/, *perfect* /ˈpɜːfɪkt/, trong đó hai tính từ đơn nêu trên có hai âm tiết, âm tiết thứ hai có chứa một nguyên âm ngắn /ɪ/ và kết thúc bằng hai phụ âm /st/ và /kt/, nhưng lại được nhấn trọng âm ở âm tiết thứ nhất.

c. *Trọng âm trong danh từ đơn có hai âm tiết*

Quy luật trọng âm trong danh từ đơn có hai âm tiết thì cũng tương tự với quy luật trọng âm đối với động từ đơn và tính từ đơn hai âm tiết. Nếu âm tiết thứ hai có chứa một nguyên âm ngắn, trọng âm thường rơi trên âm tiết thứ nhất và ngược lại nếu âm tiết thứ hai có chứa một nguyên âm dài hoặc một nguyên âm đôi thì trọng âm thường được đặt ở âm tiết thứ hai này, ví dụ: *money* /ˈmVni/, *product* /ˈprɒdVkt/, *balloon* /b@ˈlu:n/, *estate* /ɪˈsteɪt/.

d. *Trọng âm trong phó từ đơn có hai âm tiết*: Quy luật trọng âm trong phó từ đơn có hai âm tiết thì cũng tương tự với quy luật trọng âm đối với động từ đơn và tính từ đơn hai âm tiết, ví dụ: *seldom* /ˈseld@ɪm/, *again* /@ˈgeɪn/.

4.1.2. *Quy luật trọng âm trong từ đơn có ba âm tiết*

a. *Trọng âm trong động từ đơn có ba âm tiết*

- Nếu âm tiết cuối cùng có chứa một nguyên âm ngắn và kết thúc bằng một phụ âm hoặc không phụ âm, thì âm tiết đó sẽ không được nhấn trọng âm; trọng âm sẽ rơi vào âm tiết ngay trước đó, ví dụ: *encounter* /ɪnˈkaʊnt@/, *determine* /dɪˈtɜːmɪn/.

- Nếu âm tiết cuối cùng có chứa nguyên âm /@/, /ɪ/ thì trọng âm chính rơi vào âm tiết giữa, ví dụ: *consider* /k@nˈsɪd@r/, *remember* /rɪˈmemb@r/, *inhabit* /ɪnˈh@bɪt/.

- Nếu âm tiết cuối cùng có chứa một nguyên âm dài hoặc một nguyên âm đôi hoặc kết thúc bằng nhiều phụ âm, thì âm tiết cuối cùng này sẽ được nhấn trọng âm chính, ví dụ: *resurrect* /ˈrez@ˈrekt/.

* Ngoại lệ:

- Nếu âm tiết cuối cùng có chứa nguyên âm đôi được thể hiện bằng đuôi *-ate* thì âm tiết đó không được nhấn nhưng âm tiết đầu tiên được nhấn trọng âm chính, ví dụ: *elevate* /ˈelɪveɪt/, *escalate* /ˈesk@leɪt/, *demonstrate* /ˈdem@nstreɪt/.

- Nếu âm tiết cuối cùng có chứa nguyên âm đôi được thể hiện bằng đuôi *-ise* thì âm tiết đó không được nhấn nhưng âm tiết đầu tiên được nhấn trọng âm chính, ví dụ: *exercise* /ˈeks@saɪz/, *compromise* /ˈkɒmpɹ@maɪz/.

b. *Trọng âm trong danh từ đơn có ba âm tiết*

Nếu âm tiết cuối cùng có chứa một nguyên âm ngắn hoặc /@U/, thì âm tiết đó không được nhấn trọng âm; và nếu âm tiết trước âm tiết cuối này có chứa một nguyên âm dài hoặc một nguyên âm đôi hoặc nếu nó kết thúc bằng nhiều phụ âm thì âm tiết giữa này thường được nhấn trọng âm, ví dụ: *mimosa* /mɪˈm@ʊz@/, *potato* /p@ˈteɪt@U/, *disaster* /dɪˈzɑːst@/.

* Ngoại lệ:

- Tuy nhiên, đôi khi cũng có trường hợp ngoại lệ khi đó âm tiết giữa đầu kết thúc chỉ bằng một phụ âm vẫn nhận được trọng âm chính, ví dụ: *advantage* /@dˈvɑːntɪʒ/, *synopsis* /sɪˈnɒpsɪs/, *triumphant* /traɪˈVmɪf@nt/.

- Nếu âm tiết cuối cùng có chứa một nguyên âm ngắn và âm tiết giữa có chứa một nguyên âm ngắn thì cả hai âm tiết này đều không được nhấn trọng âm, lúc đó trọng âm chính rơi vào âm tiết đầu tiên, ví dụ: *quantity* /"kwɒntɪti/, *custody* /"kʌstədi/.

* Ngoại lệ:

- Đối với những danh từ tận cùng bằng: - *graph*: *paragraph* /"pærəgrɑ:f/, *photograph* /"fəʊtəgrɑ:f/, *telegraph* /telɪgrɑ:f/.

- Khác với động từ đơn có ba âm tiết: trọng âm thường rơi vào âm tiết có chứa một nguyên âm dài hoặc nguyên âm đôi và/hoặc kết thúc bằng nhiều phụ âm; trong danh từ đơn có ba âm tiết, nếu âm tiết cuối cùng có những tính chất này thì trọng âm chính rơi vào âm tiết đầu tiên, ví dụ: *intellect* /"ɪntlekt/, *marigold* /"mærɪɡəʊld/, *alkali* /"ælkəli/, *absolute* /"æbsəlu:t/.

c. *Trọng âm trong tính từ đơn có ba âm tiết*

Quy luật trọng âm đối với tính từ đơn có ba âm tiết cũng tương tự như đối với danh từ đơn có ba âm tiết nêu trên, ví dụ: *opportune* /"ɒpərtju:n/, *insolent* /"ɪnsələnt/, *anthropoid* /"ænθrəpɔɪd/, *possible* /"pɒsəbl/, *tangible* /"tæŋɡəbl/.

Những quy luật trên đây không áp dụng cho tất cả các từ trong tiếng Anh mà chỉ đối với những thực từ (lexical words) thuộc từ loại danh từ, tính từ, động từ, phó từ và không phải là những hư từ (particles) thuộc từ loại mạo từ, liên từ, giới từ.

4.1.3. *Quy luật trọng âm trong từ đơn có bốn âm tiết*

- Trọng âm chính thường rơi vào âm tiết thứ nhất đối với từ đơn có bốn âm tiết tận cùng bằng:

-ary: *military* /"mɪlɪtri/, ngoại lệ: *centenary* /sen"ti:nəri/

- Trọng âm chính thường rơi vào đuôi của từ đơn tận cùng bằng:

-ography: *geography*, *photography*

- Trọng âm chính thường rơi vào đuôi của từ đơn tận cùng bằng:

-ology: *morology*, *biology*, *phonology*

- Trọng âm chính thường rơi vào âm tiết ngay trước đuôi của từ đơn tận cùng bằng:

-athy: *telepathy*

4.1.4. *Quy luật trọng âm trong từ đơn có năm âm tiết*

- Trọng âm chính thường rơi vào đuôi của từ đơn tận cùng bằng:

-ography: *bibliography*

-ology: *semiology*

- Trọng âm chính thường rơi vào âm tiết ngay trước đuôi của từ đơn tận cùng bằng:

-ium: *aluminium*

4.2. *Quy luật trọng âm trong từ phức*

Theo Roach (1988), từ phức được cấu thành bởi một từ gốc và một phụ tố (có thể là tiền tố đứng trước từ gốc hoặc hậu tố đứng sau từ gốc).

từ phức *unpleasant*: tiền tố *un-* + từ gốc *pleasant*

từ phức *goodness*: từ gốc *good* + hậu tố *-ness*

Phụ tố thường có một trong ba ảnh hưởng sau đối với trọng âm chính của từ đa tiết trong tiếng Anh:

- Phụ tố mang trọng âm chính trong từ: *semicircle* /"semɪskɜ:l/, *personality* /pɜ:snə"nəlti/.

- Phụ tố không làm thay đổi trọng âm chính của thân từ: *pleasant* /"plezn!, *unpleasant* /ʌn"plezn!, *market* /"mɑ:kɪt/, *marketing* /"mɑ:kɪtɪŋ/.

- Trọng âm chính vẫn còn nằm ở từ gốc, không nằm ở phụ tố mà chuyển qua một âm tiết khác của từ gốc: *magnet* /"mæɡnət/, *magnetic* /mæɡ"netɪk/, *import* /"ɪmpɔ:t/, *importance* /ɪm"pɔ:tns/.

a. Phụ tố không làm thay đổi trọng âm của từ đa âm tiết

- Tiền tố (Prefix): Theo Roach (1988), hầu hết tiền tố *dis-*, *re-*, *im-*, *ex-*, *in-*, *un-*... không làm thay đổi trọng âm của từ đa âm tiết và không nhận trọng âm chính, ví dụ: *dis*"cover, *re*"write, *im*"possible, *ex*"port, *inex*"pensive, *uncom*"placent.

* Ngoại lệ: Tuy vậy, cũng có trường hợp ngoại lệ khi đó tiền tố vẫn nhận được trọng âm chính, ví dụ: *"under*pass, *"inf*amous, *"dis*locate.

- Hậu tố (suffix): Theo Roach (1988), Hornby (2015); khi thêm những hậu tố sau thì trọng âm chính của từ gốc hoặc của thân từ không thay đổi mặc dầu nghĩa và từ loại có thể thay đổi hoặc không:

-ment: a"chieve (đ.t.) đạt được, a"chievement (đ.t.) thành tích.

-ship: "leader (đ.t.) nhà lãnh đạo, "leadership (đ.t.) cương vị lãnh đạo.

-ness: sad (t.t.) buồn bã, "sadness (đ.t.) sự buồn bã.

-let: book (đ.t.) quyển sách, "booklet (đ.t.) quyển sách nhỏ.

-er: teach (đ.t.) dạy, "teacher (đ.t.) giáo viên.

-or: act (đ.t.) diễn xuất, "actor (đ.t.) diễn viên.

-hood: child (đ.t.) trẻ con, "childhood (đ.t.) thời niên thiếu.

-ing: mean (đ.t.) nghĩa là, "meaning (đ.t.) ý nghĩa.

-age: front, "frontage; "cover, "coverage; "lever, "leverage.

-al: "nation (đ.t.) đất nước, "national (t.t.) thuộc về đất nước.

-y: fun (đ.t.) sự vui đùa, "funny (t.t.) buồn cười, khôi hài.

-ish: "yellow (đ.t.) màu vàng, "yellowish (t.t.) vàng vàng.

-like: bird (đ.t.) con chim, "birdlike (t.t.) như chim.

-ful: use (đ.t.) sự dùng, cách dùng, "useful (t.t.) có ích.

-able: move (đ.t.) di chuyển, "moveable (t.t.) có thể di chuyển, di động.

-ous: fame (đ.t.) danh tiếng, "famous (t.t.) nổi tiếng.

-less: age (đ.t.) tuổi tác, "ageless (t.t.) trẻ mãi không già.

-ive: ex"pense (đ.t.) phí tổn, ex"pensive (t.t.) đắt tiền.

-ly: "quiet (t.t.) im lặng, "quietly (ph.t.) một cách im lặng.

-wise: clock (đ.t.) đồng hồ treo tường, "clockwise (t.t. & ph.t.) theo chiều kim đồng hồ.

-ize: "real (t.t.) thực tế, "realize (đ.t.) thực hiện.

-en: dark (t.t.) tối tăm, "darken (đ.t.) tối sầm lại.

-ify: class (đ.t.) loại, hạng mục, "classify (đ.t.) phân loại.

b. Phụ tố làm thay đổi trọng âm của từ đa âm tiết

Hậu tố (Suffix):

- Đa phần các hậu tố làm thay đổi trọng âm, từ loại và nghĩa của từ đa âm tiết.

- Đánh dấu trọng âm dựa vào đuôi từ đối với từ có 2 âm tiết trở lên

(1) Đánh dấu trọng âm chính vào âm tiết liền kề trước các đuôi:

-ari: Qa"tar (đ.t.) nước Qatar, "Quatari (t.t.) thuộc tiếng Qatar, thuộc người Qatar.

-ani: !Azerbai"jan (đ.t.) nước Azerbaijan, !Azer"baijani (t.t.) thuộc tiếng Azerbaijan, thuộc người Azerbaijan; ngoại lệ: ! "Paki"stan (đ.t.) nước Pakistan, !Paki"stani (t.t.) thuộc tiếng Pakistan, thuộc người Pakistan.

-ean: Zim"babwe (đ.t.) nước Zimbabwe; Zim"babwean (t.t.) thuộc tiếng Zimbabwe, thuộc người Zimbabwe.

-ian: "Brunei (đ.t.) nước Brunei, Bru"neian (t.t.) thuộc tiếng Brunei, thuộc người Brunei.

-ance: "enter (đ.t.) đi vào, "entrance (đ.t.) lối vào; clear (đ.t.) dọn sạch, "clearance (đ.t.) sự thông quan, sự dọn sạch.

-eous: "courage (đ.t.) sự can đảm, cou"rageous (t.t.) can đảm; ad"vantage (t.t.) sự thuận lợi, !advan"tageous (t.t.) thuận lợi.

-ial: "office (đ.t.) chức vụ, o"fficial (t.t.) thuộc hoặc liên quan đến chức vụ, quyền lực.

-able: port (đ.t.) cảng chèo (súng, để khám), "portable (t.t.) có thể mang theo được.

-ic: tone (đ.t.) (âm nhạc) quãng trưởng, "tonic (t.t.) (âm nhạc) âm chủ; ngoại lệ: "Catholic, "cathonic, "lunatic, a"rithmetic.

-ical: critic (đ.t.) nhà phê bình, "critical (t.t.) bình phẩm, phê bình.

-ically: "radical (t.t.) cơ bản, triệt để; "radically (ph.t.) một cách cơ bản, triệt để.

-ics: e"conomy (đ.t.) nền kinh tế, !eco"nomics (đ.t.) kinh tế học.

-ient: con"venience (đ.t.) sự tiện lợi, con"venient (t.t.) tiện lợi.

-iency: e"fficient (t.t.) có hiệu quả, e"fficiency (đ.t.) tính hiệu quả.

-ify: clear (t.t.) sáng sủa, dễ hiểu, "clarify (đ.t.) làm sáng tỏ dễ hiểu.

-ity: "able (t.t.) có năng lực, có tài; a"bility (đ.t.) khả năng, năng lực.

-ior: ex (g.t.) không tính gộp vào (cái gì), không bao gồm, ex"terior (đ.t. & t.t.) mặt ngoài, ở bên ngoài.

-ious: "luxury (đ.t.) sự xa hoa, hàng xa xỉ, lu"xurious (t.t.) xa hoa, thích xa xỉ.

-ish: "England (đ.t.): Anh quốc, "English (đ.t. & t.t.) tiếng Anh, thuộc về tiếng Anh.

-lysis: "analyse (đ.t.) phân tích, a"nalysis (đ.t.) sự phân tích.

-sion: tense (t.t.) căng thẳng, "tension (đ.t.) sự căng thẳng.

-tion: locate (đ.t.) định vị, xác định vị trí, lo"cation (đ.t.) địa điểm, vị trí.

-ual: text (đ.t.) nguyên bản, "textual (t.t.) thuộc nguyên bản.

-ular: "triangle (đ.t.) hình tam giác, tri"angular (t.t.) có dạng hình tam giác.

-ive: "nation (đ.t.) nước, quốc gia, "native (t.t.) thuộc nơi sinh.

(2). Đánh dấu trọng âm chính vào âm tiết thứ ba từ cuối lên đối với những từ có đuôi:

-ator: elevate (đ.t.) nâng lên, đưa lên, "elevator (đ.t.) máy nâng, thang máy.

-cy/-ocracy: private (t.t.) tư nhân, "privacy (đ.t.) sự riêng tư; ngoại lệ: "accuracy.

-ence: "remit (đ.t.) gửi, chuyển (hàng hóa, tiền ...) nhất là bằng bưu điện "remittance (đ.t.) số tiền được chuyển, món hàng được chuyển.

-ible: ad"mit (đ.t.) thừa nhận; ad"missible (t.t.) có thể thừa nhận.

-ise, ize: "advert (đ.t.) sự quảng cáo, "advertise (đ.t.) quảng cáo, modern (t.t.) hiện đại, "modernize (đ.t.) hiện đại hóa.

(3). Đánh dấu trọng âm chính vào âm tiết của các đuôi từ (hậu tố)

-ade: ! "lemon (đ.t.) trái chanh, !lemo"nade (đ.t.) nước chanh.

-aire "question (đ.t.) câu hỏi, !question"naire (đ.t.) bản câu hỏi; ngoại lệ: !extra"ordinaire (n.): người ngoài cuộc.

-ee: "absent (t.t.) vắng mặt, !absen"tee (đ.t.) người vắng mặt; ngoại lệ: co"mmittee, em"ployee (đ.t.) người lao động, người làm công.

-eer: mountain (đ.t.) núi, !mountai"neer (đ.t.) người leo núi.

-ental: "fundament (đ.t.) nền tảng, cơ sở, !funda"mental (t.t.) cơ bản, cơ sở.

-ese: "China (đ.t.) nước Trung Quốc, Chi"nese (t.t. & đ.t.) thuộc về nước Trung Quốc, tiếng Trung Quốc.

-esque: "picture (d.t.) vật đẹp, cảnh đẹp, người đẹp, !pictu"resque (t.t.) đẹp, gây ấn tượng mạnh (phong cảnh, người ...).

-ette: ci"gar (d.t.) điều xì-gà, !ciga"rette (d.t.) điều thuốc lá.

-itis: a"ppendix/appendice (d.t.) ruột thừa, a!ppendi"cititis (d.t.) bệnh viêm ruột thừa.

-ival: sur"vive (đ.t.) sống qua được, qua khỏi được, sur"vival (d.t.) sự sống sót, sự tồn tại.

-oon: ball (d.t.) quả banh, ba"lloon (d.t.) khí cầu, quả bóng.

-self: my (t.t.) của tôi, my"self (đ.t.p.t) chính tôi; him (đ.t.t.n.), him"self (đ.t.p.t) chính anh ấy.

5. Kết luận

Nhìn chung, bài viết này đã mô tả và phân tích một số quy luật về trọng âm trong từ đơn và từ phức đa âm tiết của tiếng Anh cùng một số trường hợp ngoại lệ. Những quy luật này có thể góp phần giúp người Việt học tiếng Anh hạn chế việc mắc lỗi khi phát âm từ, học từ vựng tiếng Anh dễ nhớ hơn, có thể sử dụng từ và giao tiếp tiếng Anh hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Crystal, D. A. (2008), *A Dictionary of Linguistics and Phonetics*. Oxford: Blackwell Publishing Ltd.
2. Hornby, A. S. (2015), *Oxford Advanced Learner's Dictionary*. Oxford: Oxford University Press.
3. O' Connor, J. D. (1999), *Better English Pronunciation*. Oxford: Oxford University Press.
4. Roach, P. (1988), *English Phonetics and Phonology. A Practical Course*. Cambridge: Cambridge University Press.

Stress rules for polysyllabic simple and complex English words

Abstract: This article describes and analyzes some rules on the stress pattern of polysyllabic simple and complex English words (consisting of two to five syllables). In fact, when the number of syllables in the English words increases, the Vietnamese learners of English as a foreign language have committed stress errors because they do not know which syllable receives stress. This could be due to the difference in the phonetic features in English and Vietnamese. Truly, English is a polysyllabic language while Vietnamese is a monosyllabic language and has no stress but tone. Thereby, the rules on the English word stress and the comments withdrawn from the article could help the learners of English in general and the Vietnamese learners of English in particular could perform the word stress correctly and thereby could assist them in memorizing English words more easily and using them more effectively in communication as well.

Key words: Stress rules; stress; polysyllabic simple words; polysyllabic complex words; English.